| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TRẢNG BÀNG**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 29-5-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Nghện.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Ngô Minh Lý;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vương Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Khu phố SS, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Khu phố AB, phường AT, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh – (Vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 01 năm 2020) – (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vương Thị C trình bày:*

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2016 Âm lịch, bà Nguyễn Thị Bích H có đến nhà bà để vay số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 06-5-2016 Âm lịch, ông Nguyễn Văn T có đến nhà bà để vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích để bổ sung vốn chi phí xây dựng nhà ở cho vợ chồng bà H, ông T. Ngay sau khi nhận tiền, bà H và ông T viết, ký tên và viết họ tên, đồng thời bà ký tên và viết họ tên vào tờ giấy viết tay. Nội dung:

"Ngày 8.3.2016 (Âm Lịch) Hà mượn 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng)"

"Ngày 06/05/AL em T có mượn của chị 9 10.000.000 (mười Triệu đồng)"

Hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 2%/ tháng, trả lãi hàng tháng, hạn trả nợ là ngày 08-3-2017 Âm lịch là ngày 04-4-2017 Dương lịch, ông T và bà H trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng, ngày 06-5-2017 Âm lịch là ngày 02-6-2017 dương lịch, ông T và bà H trả cho bà số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Việc thỏa thuận thời hạn trả nợ này bằng lời nói, không lập văn bản.

Cả 02 lần vay tiền trên giấy nợ chỉ lập 01 bản do bà giữ, không người làm chứng, không công chứng, chứng thực.

Bà H có trả cho bà tiền lãi theo thỏa thuận thời gian 02 tháng đầu (từ ngày 08-3-2016 Âm lịch đến ngày 08-5-2016 Âm lịch, tổng số tiền lãi theo thỏa thuận bà H đã trả cho bà là 2.000.000 đồng.

Ngày 19-10-2019, bà H có trả cho bà 2.000.000 đồng nợ gốc, bà H hẹn mỗi tháng trả cho bà 2.000.000 đồng nợ gốc, bắt đầu trả từ ngày 19-11-2019 đến khi trả đủ số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận tương ứng với thời gian vay tại thời điểm trả nợ.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày vay tiền đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Việc bà H có vay nguyên đơn Vương Thị C là đã xảy ra vào ngày 08-3-2016. Sau đó ngày 06-5-2016 ông T có nợ nguyên đơn 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà H, ông T nợ nguyên đơn 60.000.000 đồng.

Nay bà H, ông T có yêu cầu nguyên đơn chấp thuận cho bà H, ông T trả nợ cho nguyên đơn 02 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng vào thời gian 02 tháng, cụ thể đợt thanh toán đầu tiên vào tháng 02 năm 2020 và đợt hai là 25.000.000 đồng vào tháng 3 năm 2020.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước`thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đương sự nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn; Người đại diện hợp pháp của bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị C "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Bích H, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Vương Thị C số tiền là 58.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trọng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng và trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày vay tiền đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông T trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà C không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà C theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của bà C yêu cầu bà H và ông T trả số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà H và ông T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đại là người đại diện hợp pháp của

bà H và ông T trình bày: Thừa nhận việc bà H và ông T có vay của bà C số tiền 60.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần 02 lần, mỗi lần 25.000.000 đồng.

Do đó, có căn cứ khẳng định bà H có vay của bà C số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 08-3-2016 Âm lịch và ông T có vay bà C số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 06-5-2016 Âm lịch như bà C đã trình bày. Tuy nhiên, bà C thừa nhận bà H có trả cho bà C 2.000.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền bà H và ông T vay của bà C là để bổ sung vốn xây dựng nhà ở chung cho bà H và ông T, ông T là người sử dụng chung nhà ở với bà H nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà C là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà C. Buộc bà H và ông T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 58.000.000 đồng nợ gốc.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị C "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Bích H, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H, ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Vương Thị C số tiền nợ gốc là 58.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị C "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Bích H, ông Nguyễn Văn T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Vương Thị C số tiền 58.000.000 (Năm mươi tám triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vương Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Vương Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.784.000 (Một triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017849 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H và ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.900.000 (Hai triệu chín trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Báo cho bà C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX Trảng Bàng;
- Các đương sự.;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Thị Nghện**